

# Giác hút chân không ESS-6X10-ON

Số bộ phận: 189410

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                    | Giá trị                                                     |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Chiều rộng định mức                         | 2.5 mm                                                      |
| Kích thước cốc hút                          | 6x10 mm                                                     |
| Thể tích cốc hút                            | 0.106 cm <sup>3</sup>                                       |
| Vị trí kết nối                              | bên trên                                                    |
| Vị trí lắp đặt                              | bất kỳ                                                      |
| Phân bố Giác hút có giá đỡ                  | Kích thước 4                                                |
| Hình dạng giác hút                          | hình bầu dục phẳng                                          |
| Áp suất vận hành                            | -95 kPa...0 kPa<br>-0.95 bar...0 bar<br>-13.775 psi...0 psi |
| Áp suất làm việc danh nghĩa                 | -70 kPa                                                     |
| Áp suất vận hành định mức                   | -0.7 bar                                                    |
| định mức áp suất làm việc                   | -10.15 psi                                                  |
| Môi chất vận hành                           | khí quyển dựa trên ISO 8573-1: 2010 [7: -: -]               |
| Lớp chống ăn mòn KBK                        | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                    |
| Tuân thủ LABS                               | VDMA24364-A1-L                                              |
| Phù hợp với thực phẩm                       | xem thông tin tài liệu bổ sung                              |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh              | -10 °C...70 °C                                              |
| Lực giữ ở áp suất vận hành định mức         | 2.9 N                                                       |
| Lực bên ngang ở áp suất vận hành danh nghĩa | 7.5 N                                                       |
| Lực bên dọc ở áp suất vận hành danh nghĩa   | 12 N                                                        |
| trọng lượng sản phẩm                        | 2 g                                                         |
| Kiểu gắn                                    | Qua cổng nối chân không                                     |
| Giác hút chân không                         | M6                                                          |
| Màu sắc                                     | màu đen                                                     |
| Độ cứng Shore                               | 50 +/- 5                                                    |
| Ghi chú vật liệu                            | Tuân thủ RoHS                                               |
| Vật liệu giác hút                           | NBR                                                         |